

2012—2013 第一学期小学一年级语文期末测试卷

(60 分钟完成;老师可以读题)

2013.01

qīn ài de xiǎo péng yǒu men jīng guò yī gè xué qī de xué xí nǐ zài yǔ wén fāng
亲 爱 的 小 朋 友 们 , 经 过 一 个 学 期 的 学 习 , 你 在 语 文 方

miàn yī dìng shōu huò bù xiǎo zǐ xì dú tí rèn zhēn shū xiě nǐ yī dìng néng qǔ dé
面 一 定 收 获 不 小 ! 仔 细 读 题 , 认 真 书 写 , 你 一 定 能 取 得

hǎo chéng jì
好 成 绩 !

àn zhào kǒu xín cóng dà dào xiǎo de shùn xù xiě chū gè dān yùn mǔ
一、按 照 口 型 从 大 到 小 的 顺 序 写 出 6 个 单 韵 母。(6 分)

zhǎo chū zhěng tǐ rèn dú yīn jié yòng “——” huà chū
二、找 出 整 体 认 读 音 节 , 用 “——” 画 出。(4 分)

yue wo er ya ci yi mi ye

kàn tú bǎ yīn jiē bǔ chōng wán zhěng
三、看 图 , 把 音 节 补 充 完 整。(5 分)



t ____ zi



l ____ yè



sh ____ n ____



ěr d ____

zài zhèng què de dú yīn xià miàn huà “✓”。(10 分)
四、在 正 确 的 读 音 下 面 画 “✓”。

1. 沙滩(sā shā)

姑娘(niáng niang)

充足 { cōng zhú ()
 chōng zú ()

山村 { shān cūn ()
 sān chūn ()

学号

姓名

密封线内不要答题

班级

学校

2. 她长(zhǎng cháng)了一头乌黑的长(zhǎng cháng)发。

3. 怀素是个好(hào hǎo)学上进的好(hào hǎo)孩子。

kàn pīn yīn xiě bǐ huà xiě zì cí
五、看拼音写笔画写字词(25分)

nà



héng gōu



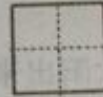
shù wān



héng piě



shù zhé tí

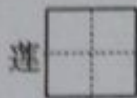


jiāng



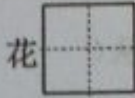
南

yè



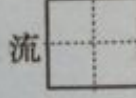
莲

cǎo



花

shuǐ



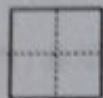
流

shā



滩

bèi



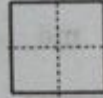
壳

làng



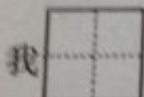
花

yú



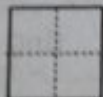
船

men



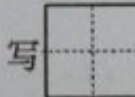
我

cóng



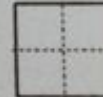
小

zì



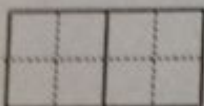
写

shū

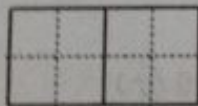


法

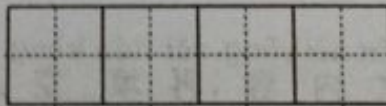
lì zhèng



diǎn tóu



rì zi



yì cháng

àn yāo qiú tián kòng
六、按要求填空(39分)

shù bǐ huà tián kòng
1. 数笔画填空。(6分)

“火”最后两笔是_____组词_____、_____。

“去”的第4笔是_____,它的反义词是_____。

③ 蓝天是

 的家, 树林是小鸟的家, 小河是

 的家,

泥土是 种 子的家,

_____ 是 _____ 的家。

④ 这学期, 我学到了很多知识; 我们的国旗是

 星 红旗, 菊花迎

着 深秋寒风

; 上海广播电视塔也叫“

明珠。”

七、阅读《冰花》片断, 完成练习。(7分)

玻璃窗上开花了! 啊, 真漂亮! 它像宽大的树叶, 像柔嫩的小草, 像丰满的牡丹, 一束束, 一朵朵, 晶亮, 洁白。

1. 这一段有 _____ 句话。(3分)

2. 冰花是什么样儿的? 用“——”画出句子。(4分)

八、正确、工整地抄写下面的字(4分)

五

八

子

也

